TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số 05/2018/DS-ST
Ngày 16/8/2018
" Vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông Võ Văn T"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Điệp.
2. Ông Nguyễn Như Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Lô 2B, 15 Khu đô thị mới Mỹ Đình I, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền có ông Lê Đình Hoàng – Phó giám đốc Chi nhánh N (văn bản ủy quyền số 143/NHNoTP-TH ngày 23/5/2018 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng N) - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn Đại Lộc Thượng, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*Ông Võ T, sinh năm 1930 (Bố ông Thạnh).

Nơi cư trú: Thôn Đại Lộc Thượng, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N trình bày:

Ngày 20/6/2012, Ngân hàng N cho ông Võ Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay để chăn nuôi bò, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 16%/năm, Ngân hàng đã chi tiền vay cho ông T ngày 20/6/2012. Số tiền vay được phân thành các kỳ trả nợ như sau:

- Kỳ 01: 20/6/2013: Trả nợ gốc 6.000.000 đồng và tiền lãi trả theo dư nợ gốc.
- Kỳ 02: 20/6/2014: Trả nợ gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi trả theo dư nợ gốc.

- Kỳ 03: 20/6/2015: Trả nợ gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi trả theo dư nợ gốc.

Trong quá trình thực hiện việc vay vốn, ông Võ Văn T cố ý chây ỳ, chưa lần nào trả nợ gốc và lãi, vi phạm kỳ hạn trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển số nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 21/6/2014. Tính đến ngày 16/8/2018, ông Võ Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 20.695.722 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn 16.063.888 đồng, tiền lãi quá hạn 4.631.834 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ lãi trong hạn: Từ ngày 20/6/2012 đến 14/7/2012: 20.000.000 đồng x 25 ngày x 16%/năm (360 ngày) là 222.222 đồng; từ ngày 15/7/2012 đến 19/3/2014: 20.000.000 đồng x 613 ngày x 15% (360 ngày) là 5.108.333 đồng; từ ngày 20/3/2014 đến 15/8/2015: 20.000.000 đồng x 1610 ngày x 12%/năm (360 ngày) là 10.733.333 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: Từ ngày 21/6/2014 đến 22/6/2015: 13.000.000 đồng x 367 ngày x 6%/năm (360 ngày) là 795.167 đồng; từ ngày 23/6/2015 đến ngày 16/8/2018: 20.000.000 đồng x 1151 ngày x 6%/năm (360 ngày) là 3.836.667 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi 40.695.722 đồng, trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi 20.695.722 đồng.

Về tài sản đảm bảo khoản tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản; hiện Ngân hàng đang lưu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0681383 ngày 16/4/1999, diện tích 4082m^2 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Võ T.

Đối với bị đơn ông Võ Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có bản trình bày ý kiến, Tòa án đã thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 26/4/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ T trình bày:

Anh Võ Văn T là con trai ông Võ T, gia đình ông chỉ có hai bố con, con ông là Võ Văn T có vay tiền của Chi nhánh Ngân hàng N và hiện nay chưa trả nợ cho Ngân hàng nên trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thuộc về anh Võ Văn Th. Quá trình anh T vay vốn, ông T có ủy quyền cho anh T lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0681383 do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 16/4/1999 cho hộ ông Võ T để anh T giao cho Ngân hàng lưu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho ông T, nhưng hết thời hạn 15 ngày ông T không có bản trình bày ý kiến về việc vay nợ đối với yêu cầu của Ngân hàng. Sau đó Tòa án tống đạt thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T đều vắng không có lý do. Tại phiên tòa ngày 26/7/2018, ông T và ông Võ T vắng mặt lần thứ nhất không có ý do nên Tòa án hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa ngày 16/8/2018. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng phía bị đơn anh Võ Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ T vắng mặt lần

thứ 2 không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về áp dụng pháp luật để giải quyết: Hợp đồng tín dụng giữa Chi nhánh Ngân hàng N với ông Võ Văn T đã thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực (trước ngày 01/01/2017) và có tranh chấp nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết vụ án này.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của Ngân hàng cung cấp về khoản tiền gốc 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ Sổ vay vốn số BH 245275 ngày 20/6/2012 thì Ngân hàng N cho ông Võ Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay để chăn nuôi bò, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 16%/năm; hạn cuối cùng trả nợ vào ngày 20/6/2015. Tuy nhiên, sau khi vay vốn, ông T không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả khoản nợ gốc 20.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với khoản tiền lãi, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì lãi suất trong hạn được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên đã ký kết; trong trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định. Do đó, đối với khoản tiền lãi, ông Võ Văn Thạnh phải trả khoản tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Lãi trong hạn: Từ ngày 20/6/2012 đến 14/7/2012 là: 20.000.000 đồng x 25 ngày x 16%/năm (360 ngày) là 222.222 đồng; từ ngày 15/7/2012 đến 19/3/2014 là: 20.000.000 đồng x 613 ngày x 15% (360 ngày) là 5.108.333 đồng; từ ngày 20/3/2014 đến 15/8/2015 là: 20.000.000 đồng x 1610 ngày x 12%/năm (360 ngày) là 10.733.333 đồng. Lãi quá hạn: Từ ngày 21/6/2014 đến 22/6/2015 là: 13.000.000 đồng x 367 ngày x 6%/năm (360 ngày) là 795.167 đồng; từ ngày 23/6/2015 đến ngày 16/8/2018 là: 20.000.000 đồng x 1151 ngày x 6%/năm (360 ngày) là 3.836.667 đồng.

Như vậy, cần buộc ông Võ Văn T phải trả cho Ngân hàng N tính đến ngày 16/8/2018 số tiền gốc 20.000.000 đồng, số tiền lãi 20.695.722 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn 16.063.888 đồng, tiền lãi quá hạn 4.631.834 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 40.695.722 đồng.

Quá trình ông T vay vốn, giữa Ngân hàng với ông Võ Văn T không ký hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khoản tiền vay. Tuy nhiên, Ngân hàng có lưu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0681383 ngày 16/4/1999 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Võ T; việc thu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/5/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (Nghị định này thay thế Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ). Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Ông Võ Văn T phải chịu án 2.034.000 đồng phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 987.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004228 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 473, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Võ Văn T phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc 20.000.000 đồng, số tiền lãi 20.695722 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn 16.063.888 đồng, tiền lãi quá hạn 4.631.834 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi 40.695.722 đồng (làm tròn số là 40.695.000 đồng) .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ Văn T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Sổ vay vốn BH 245275 ngày 20/6/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Ông Võ Văn T phải chịu 2.034.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 987.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004228 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VT.

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VT.

Phan Hồng Phước